

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



Tháng 3 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Thanh	Ủy viên
Bà Trần Thị Thu Nga	Ủy viên
Ông Nguyễn Chính Nam	Ủy viên
Ông Đỗ Khánh Dư	Ủy viên

Ban kiểm soát

Trần Thị Xuân	Trưởng Ban
Mai Hoàng Long	Thành viên
Trần Thị Kim Cúc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Thế Hùng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2018)
Ông Nguyễn Chính Nam	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 31 tháng 12 năm 2017, Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01 tháng 01 năm 2018)
Ông Nguyễn Hoàng Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Thế Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

Số: 033021/2018/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 5 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2018-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Lê Quốc Anh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2015-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110.670.811.070	69.790.329.161
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	20.923.493.978	4.988.220.977
1. Tiền	111		5.923.493.978	4.988.220.977
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	4.248.847
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	4.248.847
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.472.885.883	59.083.367.155
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	58.821.489.276	46.636.975.605
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.347.507.326	1.503.085.389
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	29.294.752.082	11.934.168.962
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(990.862.801)	(990.862.801)
IV. Hàng tồn kho	140		762.042.003	2.152.746.886
1. Hàng tồn kho	141	V.6	762.042.003	2.152.746.886
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		512.389.206	3.561.745.296
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	512.389.206	808.942.765
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.752.802.531
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		84.637.223.505	96.034.310.019
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.079.726.201	3.410.477.354
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.079.726.201	3.410.477.354
II. Tài sản cố định	220		54.406.754.883	57.691.048.960
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	54.406.754.883	57.691.048.960
- Nguyên giá	222		85.195.212.736	81.291.935.504
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.788.457.853)	(23.600.886.544)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		416.000.000	416.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(416.000.000)	(416.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.573.888.275
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.573.888.275
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.349.684.019	13.328.976.419
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	5.500.000.000	5.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	8.857.150.000	8.857.150.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	1.708.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.007.465.981)	(2.736.673.581)
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.801.058.402	20.029.919.011
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	16.801.058.402	20.029.919.011
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		195.308.034.575	165.824.639.180


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		155.435.024.310	124.232.461.842
I. Nợ ngắn hạn	310		117.011.084.926	107.964.205.342
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	68.692.336.135	50.969.133.605
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	2.203.986.380
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	7.493.570.783	13.594.792.234
4. Phải trả người lao động	314		1.354.795.760	1.081.974.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	189.770.176	710.421.133
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		31.551.743	47.327.476
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	4.836.093.043	4.829.286.920
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	33.588.032.908	33.634.364.100
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		824.934.378	892.918.894
II. Nợ dài hạn	330		38.423.939.384	16.268.256.500
1. Phải trả dài hạn khác	337		21.500.000	21.500.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	10.402.439.384	16.246.756.500
2. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.17	28.000.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.873.010.265	41.592.177.338
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	39.873.010.265	41.592.177.338
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.218.410.000	31.218.410.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		194.384.000	194.384.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.159.230.441	7.383.542.641
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(699.014.176)	2.795.840.697
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(2.298.986.103)	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.599.971.927	2.795.840.697
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		195.308.034.575	165.824.639.180


Phạm Thị Quyên
Người lập

Ngày 30 tháng 03 năm 2018


Lê Thị Hải Hà
Phụ trách kế toán



Trần Thế Hùng
Tổng Giám đốc




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	307.491.126.965	275.043.160.808
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		307.491.126.965	275.043.160.808
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	294.293.668.308	257.482.083.524
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.197.458.657	17.561.077.284
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.662.395.476	1.886.748.078
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.513.047.666	3.238.602.050
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.707.610.489	2.820.228.440
8. Chi phí bán hàng	25		4.057.700.593	3.818.729.665
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.254.854.631	7.701.115.545
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.034.251.243	4.689.378.102
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.063.559.368	246.949.547
12. Chi phí khác	32	VI.6	497.838.684	1.105.012.320
13. Lợi nhuận khác	40		565.720.684	(858.062.773)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.599.971.927	3.831.315.329
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	1.035.474.632
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.599.971.927	2.795.840.697


Phạm Thị Quyên
Người lập
Ngày 30 tháng 03 năm 2017


Lê Thị Hải Hà
Phụ trách kế toán



Trần Thế Hùng
Tổng Giám đốc




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.599.971.927	3.831.315.329
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.553.270.187	10.484.589.684
Các khoản dự phòng	03	667.077.449	415.973.610
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.117.777.367)	(1.886.748.078)
Chi phí lãi vay	06	3.707.610.489	2.820.228.440
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.410.152.685	15.665.358.985
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(23.862.061.355)	12.939.733.533
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	1.390.704.883	2.445.301.671
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	13.174.737.533	(26.473.119.318)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	3.525.414.168	(13.004.013.172)
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.053.402.172)	(2.639.582.107)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(368.150.284)	(2.251.417.988)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(577.464.516)	(53.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(360.069.058)	(13.370.738.396)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHD khác	21	(5.872.834.300)	(21.649.632.364)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.230.788.415	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.248.847	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	93.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.456.337.955	1.371.221.873
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.088.459.083)	(20.278.410.491)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	120.211.398.000	78.451.130.100
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(98.102.046.308)	(53.010.004.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.725.550.550)	(4.370.577.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	19.383.801.142	21.070.549.100
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	15.935.273.001	(12.578.599.787)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.988.220.977	17.566.820.764
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	20.923.493.978	4.988.220.977


Phạm Thị Quyên
Người lập
Ngày 30 tháng 03 năm 2018


Lê Thị Hải Hà
Phụ trách kế toán




Trần Thế Hùng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Khách sạn Cây Xoài và Trung tâm dịch vụ Vận tải thuộc Liên hiệp Đường sắt Việt Nam, chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3676/2000/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2002. Hiện tại Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101206286 thay đổi lần thứ 16 ngày 12 tháng 01 năm 2018. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16, vốn điều lệ của Công ty là 31.218.410.000 đồng, tương đương với 3.121.841 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 192 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 155 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vận tải hành khách đường sắt;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cung cấp khẩu phần ăn trên tàu hỏa;
- Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí trên cạn, dưới nước (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ kho, bãi; bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng và vật tư ngành giao thông vận tải;
- Lữ hành quốc tế;
- Quảng cáo thương mại và quảng cáo phi thương mại;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Xây dựng công trình dân dụng, kỹ thuật;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng; kinh doanh du lịch lữ hành trong và ngoài nước; dịch vụ đưa đón, ăn nghỉ, tham quan, nghỉ mát, visa, hộ chiếu; mua bán rượu, bia, nước giải khát (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí trên cạn, dưới nước (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh thương mại;
- Đại lý vận chuyển hàng hóa bằng container; và
- Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa trong và ngoài nước.

Hoạt động chính của Công ty là: vận tải và kinh doanh khách sạn, nhà hàng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính 2016 và có ảnh hưởng đến năm tài chính 2017**

Như đã trình bày tại Báo cáo kiểm toán số 134.03/2017/BCKT-IFC ngày 24 tháng 03 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định giải thể Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratraco kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2014 với mục đích tinh gọn bộ máy và nâng cao hoạt động của Công ty chủ sở hữu. Trong năm 2015, Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratraco đã thực hiện các thủ tục thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế. Đồng thời, Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratraco đã đề nghị Chi cục thuế Thị xã Dĩ An thực hiện quyết toán thuế cho mục đích giải thể doanh nghiệp. Tuy nhiên, đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2017, Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratraco chưa hoàn thành các thủ tục có liên quan đến việc đóng mã số thuế phục vụ công tác giải thể doanh nghiệp. Do đó, tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratraco tiếp tục được trình bày là khoản đầu tư vào công ty con trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị	Mối quan hệ	Địa chỉ
Trụ sở chính	Công ty mẹ	Số 118 Lê Duẩn, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển Đường sắt Hà Nội Ratraco	Công ty con	Số 95 - 97 Lê Duẩn, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển Đường sắt Sài Gòn Ratraco	Công ty con	Số km 1710+560 Ga Sóng Thần, khu phố Bình Dương 1, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Công ty TNHH Du lịch Đường sắt Ratraco	Công ty con	Số 95 - 97 Lê Duẩn, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Công ty TNHH MTV Thương mại Đường Sắt Ratraco	Công ty con	Số 118 Lê Duẩn, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	Công ty liên doanh	P. 201, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Q. Đống Đa, thành phố Hà Nội
Công ty TNHH Logistics đường sắt ITL	Công ty liên kết	Số 52 Trường Sơn, P. 2, Q. Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là: kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)**

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 15
Thiết bị quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình tại Công ty là phần mềm quản lý tàu. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm khoản sửa chữa, cải tạo toa xe, tài sản định kỳ, chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí bảo hiểm vật chất và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá ba năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi trong tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp trong năm 2017 là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	861.418.226	53.255.410
Tiền gửi ngân hàng	5.062.075.752	4.934.965.567
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	-
Cộng	20.923.493.978	4.988.220.977

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng Liên doanh Việt Nga có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	8.941.436.826	769.922.511
Công ty Cổ phần đối tác Chân Thật	5.111.029.955	-
Công ty TNHH Dịch vụ chuỗi cung ứng DHL	4.806.013.632	629.877.600
Công ty Cổ phần FRESANIUS KABI BIDIPHAR	2.890.754.140	-
Công ty TNHH FRIESLANDCAMPINA Hà Nam	2.823.260.000	-
Công ty Xăng dầu Lào Cai	2.674.369.361	-
Công ty Cổ phần sữa Việt Nam	2.540.861.878	2.194.755.912
Tổng thầu gói (EPC) Dự án HĐH TTH ĐS Vinh - Sài Gòn	2.169.474.587	-
Công ty TNHH MTV giao nhận vận chuyển Đường Sắt Hà Nội Ratraco	2.136.339.665	32.358.337.665
Công ty TNHH FRIESLANDCAMPINA Việt Nam	1.665.180.000	-
Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội	1.267.047.100	-
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Vận tải Đức Vân	1.256.536.500	1.682.500.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải An Phú Minh	847.797.000	1.194.366.000
Các đối tượng khác	19.691.388.632	7.807.215.917
Cộng	58.821.489.276	46.636.975.605
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.2 - Bên liên quan)	11.857.487.371	33.321.154.676

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phần mềm Sao Mai	641.250.000	384.750.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Kiến trúc Vương Ga Gia Lâm	410.416.900	-
	1.800	54.992.200
Công ty Vận tải hành khách Đường sắt Sài Gòn	54.290.000	54.290.000
Các đối tượng khác	241.548.626	1.009.053.189
Cộng	1.347.507.326	1.503.085.389

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Phải thu khác ngắn hạn/dài hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng	8.909.304.169	7.393.251.802
Ký cược ký quỹ	13.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	7.385.447.913	4.540.917.160
- Phải thu cổ tức	6.502.330.286	4.147.940.811
- Phải thu lãi dự thu Agribank	-	159.250.000
- Phải thu các khách hàng khác	883.117.627	233.726.349
Cộng	29.294.752.082	11.934.168.962
b. Phải thu dài hạn khác		
Ký cược ký quỹ	615.000.000	2.945.751.153
- Ký cược, ký quỹ dài hạn cho dự án Đường sắt Yên Viên - Phả Lại	-	2.445.751.153
- Ký cược, ký quỹ dài hạn khác	615.000.000	500.000.000
Phải thu dài hạn khác	464.726.201	464.726.201
Cộng	1.079.726.201	3.410.477.354
Trong đó Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.2 - Bên liên quan)	6.902.330.286	4.347.940.811

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09-DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. Nợ xấu**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.091.161.290	100.298.489	(990.862.801)	1.091.161.290	100.298.489	(990.862.801)
Công ty TNHH Dũng Ngọc	427.334.750	-	(427.334.750)	427.334.750	-	(427.334.750)
Công ty TNHH Unilever Việt Nam	112.221.440	-	(112.221.440)	112.221.440	-	(112.221.440)
Phải thu quá hạn các khách hàng khác	551.605.100	100.298.489	(451.306.611)	551.605.100	100.298.489	(451.306.611)
Cộng	1.091.161.290	100.298.489	(990.862.801)	1.091.161.290	100.298.489	(990.862.801)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. Hàng tồn kho**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	582.606.000	779.006.000
Hàng hóa	179.436.003	1.373.740.886
Cộng	762.042.003	2.152.746.886

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	216.192.517	389.027.970
- Các khoản chi phí khác	296.196.689	419.914.795
Cộng	512.389.206	808.942.765
b. Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	7.100.631.277	9.325.025.843
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	264.393.542	90.974.897
- Chi phí sửa chữa bãi, thi công bãi hàng Ga Đông Anh	8.317.090.909	10.396.363.636
- Các khoản chi phí khác	1.118.942.674	217.554.635
Cộng	16.801.058.402	20.029.919.011

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09-DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2017	16.714.758.136	749.846.728	63.017.127.877	690.202.763	120.000.000	81.291.935.504
Mua trong năm	544.873.636	-	5.025.046.900	-	-	5.569.920.536
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.573.888.275	-	-	-	-	1.573.888.275
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.240.531.579)	-	-	(3.240.531.579)
Tại ngày 31/12/2017	18.833.520.047	749.846.728	64.801.643.198	690.202.763	120.000.000	85.195.212.736
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2017	5.727.891.464	310.965.037	16.954.518.696	560.844.680	46.666.667	23.600.886.544
Khấu hao trong năm	1.634.976.113	68.098.237	6.718.137.786	92.058.051	40.000.000	8.553.270.187
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.365.698.878)	-	-	(1.365.698.878)
Tại ngày 31/12/2017	7.362.867.577	379.063.274	22.306.957.604	652.902.731	86.666.667	30.788.457.853
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2017	10.986.866.672	438.881.691	46.062.609.181	129.358.083	73.333.333	57.691.048.960
Tại ngày 31/12/2017	11.470.652.470	370.783.454	42.494.685.594	37.300.032	33.333.333	54.406.754.883

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.399.977.817 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.062.452.362 đồng). Giá trị còn lại của tài sản cầm cố thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 22.360.158.768 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09-DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****9. Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển Đường sắt Hà Nội Ratraco	2.000.000.000	(*)	-	2.000.000.000	(*)	-
Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển Đường sắt Sài Gòn Ratraco	2.000.000.000	(*)	(677.783.863)	2.000.000.000	(*)	(272.745.149)
Công ty TNHH Du lịch Đường sắt Ratraco	1.000.000.000	(*)	(647.235.667)	1.000.000.000	(*)	(725.104.903)
Công ty TNHH MTV Thương mại Đường Sắt Ratraco	500.000.000	(*)	(160.778.312)	500.000.000	(*)	-
Cộng	5.500.000.000	-	(1.485.797.842)	5.500.000.000	-	(997.850.052)

Thông tin chi tiết về các công ty con như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Du lịch Đường sắt Ratraco	Hà Nội	100%	Cung cấp tour du lịch, lữ hành, vận tải hành khách
2	Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển Đường Sắt Sài Gòn Ratraco	HCM	100%	Hoạt động vận tải đường sắt
3	Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển Đường Sắt Hà Nội Ratraco	Hà Nội	100%	Hoạt động vận tải đường sắt
4	Công ty TNHH MTV Thương mại Đường Sắt Ratraco	Hà Nội	100%	Quảng cáo, thương mại, dịch vụ vận tải đường sắt

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty con này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09-DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****9. Đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)**

Như đã trình bày tại Báo cáo kiểm toán số 108.03/2016/BCKT-IFC ngày 28 tháng 03 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định giải thể Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratraco kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2014 với mục đích tinh gọn bộ máy và nâng cao hoạt động của Công ty chủ sở hữu. Trong năm 2015, Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratraco đã thực hiện các thủ tục thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế. Đồng thời, Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratraco đã đề nghị Chi cục thuế Thị xã Dĩ An thực hiện quyết toán thuế cho mục đích giải thể doanh nghiệp. Tuy nhiên, đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2017, Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratraco chưa hoàn thành các thủ tục có liên quan đến việc đóng mã số thuế phục vụ công tác giải thể doanh nghiệp. Do đó, tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển đường sắt Sài Gòn Ratraco tiếp tục được trình bày là khoản đầu tư vào công ty con trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt.

10. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics {i}	7.857.150.000	(*)	-	7.857.150.000	(*)	-
Công ty TNHH Logistics đường sắt ITL {ii}	1.000.000.000	(*)	(521.668.139)	1.000.000.000	(*)	(342.538.480)
Cộng	8.857.150.000	-	(521.668.139)	8.857.150.000	-	(342.538.480)

{i} Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH NR Greenlines Logistics theo Hợp đồng liên doanh ngày 26 tháng 12 năm 2007 giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt và Nissin Corporation. Theo đó, Công ty góp 49% vốn điều lệ của Công ty TNHH NR Greenlines Logistics tương ứng với 490.000 USD, tương đương với 7.857.150.000 đồng. Công ty được bổ nhiệm 02 trong 04 thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH NR Greenlines Logistics, Chủ tịch Hội đồng Thành viên là người do Công ty bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người do Nissin Corporation bổ nhiệm. Như vậy mặc dù tỷ lệ vốn góp là 49% nhưng Công ty có quyền đồng kiểm soát trong Công ty TNHH NR Greenlines Logistics. Vì vậy khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên doanh trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09-DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****10. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Tiếp theo)**

{ii} Căn cứ vào Hợp đồng liên doanh và Phụ lục điều chỉnh của Hợp đồng liên doanh ngày 20 tháng 03 năm 2014 giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt với Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển In Do Trần để thành lập Công ty TNHH Logistics đường sắt ITL (được đổi tên từ Công ty TNHH ITL Ratraco, gọi tắt là “ITL”), thời hạn hoạt động của ITL là 40 năm, vốn điều lệ của ITL là 5 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường Sắt góp 1 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của ITL). Theo quy định của Hợp đồng liên doanh, Công ty được chỉ định 02 trên tổng số 04 thành viên của Hội đồng Thành viên của ITL, Chủ tịch Hội đồng Thành viên được bầu từ 02 người do Công ty đề cử. Giám đốc và kế toán trưởng của ITL do Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển In Do Trần đề cử. Công ty được đề cử 01 Phó Giám đốc. Tuy nhiên, hiện tại Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc của ITL đều là người do In Do Trần chỉ định. Do đó, khoản đầu tư vào ITL Ratraco được trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên kết trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty liên doanh, liên kết này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết nêu trên.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	48.022.233.119	48.022.233.119	38.240.436.044	38.240.436.044
Phải trả người bán khác	20.670.103.016	20.670.103.016	12.728.697.561	12.728.697.561
Cộng	68.692.336.135	68.692.336.135	50.969.133.605	50.969.133.605
Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.2 - Bên liên quan)	49.314.299.747	49.314.299.747	39.888.470.447	39.888.470.447

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09-DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.012.794.105	31.016.460.534	30.116.903.269	113.236.840
Thuế xuất nhập khẩu	-	5.899.400	5.899.400	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.000	-	368.150.284	368.216.284
Thuế thu nhập cá nhân	172.282.234	662.090.528	819.009.684	329.201.390
Các loại thuế khác {i}	6.308.428.444	16.665.332.792	23.141.042.068	12.784.137.720
Cộng	7.493.570.783	48.349.783.254	54.451.004.705	13.594.792.234

{i} Số dư các loại thuế khác là phần phải nộp phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	112.941.650	458.733.333
Trích trước chi phí hoạt động	76.828.526	251.687.800
Cộng	189.770.176	710.421.133

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	135.170.495	61.089.189
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	58.226.836	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.642.695.712	4.768.197.731
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam {i}	2.954.833.000	2.931.423.000
- Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Đường sắt Sài Gòn Ratraco {ii}	1.300.715.560	1.300.715.560
- Các khoản phải trả khác	387.147.152	536.059.171
Cộng	4.836.093.043	4.829.286.920
Trong đó Phải trả khác các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.2 - Bên liên quan)	4.255.548.560	4.232.138.560

{i} Phải trả cổ tức và các khoản phải trả khác từ trước năm 2016 cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

{ii} Khoản tiền Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Đường sắt Sài Gòn Ratraco (Công ty con) đang làm thủ tục giải thể nên chuyển trước một phần tiền cho Công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**MÃ SỐ B09-DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2017	Tăng trong năm	Giảm trong năm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn				
Vay cá nhân {i}	436.000.000	6.392.000.000	9.766.000.000	3.810.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex {ii}	27.918.875.600	80.819.398.000	77.879.312.500	24.978.790.100
Cộng vay ngắn hạn	28.354.875.600	87.211.398.000	87.645.312.500	28.788.790.100
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.16)	5.233.157.308			4.845.574.000
Cộng Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	33.588.032.908			33.634.364.100

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

{i} Vay ngắn hạn cá nhân, thời hạn 12 tháng, lãi suất 8,5%/năm. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

{ii} Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng hạn mức số 106.1605/2016/HDTDHM-DN/PGBHN ngày 28 tháng 12 năm 2016. Tổng hạn mức tín dụng là 35 tỷ đồng, thời hạn hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Thời gian vay và lãi suất được quy định theo từng kế ước nhận nợ cụ thể. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮTSố 118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**MÃU SỐ B09-DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2017	Tăng trong năm	Giảm trong năm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn				
Vay cá nhân {a}	100.000.000	1.000.000.000	5.850.000.000	4.950.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội {b}	1.055.480.000	-	666.720.000	1.722.200.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội {c}	10.941.276.500	-	3.478.854.000	14.420.130.500
Ngân hàng liên doanh Việt Nga - Sở giao dịch {d}	3.538.840.192	4.000.000.000	461.159.808	-
Cộng vay dài hạn	15.635.596.692	5.000.000.000	10.456.733.808	21.092.330.500
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(5.233.157.308)	-	-	(4.845.574.000)
Vay cá nhân {a}	(100.000.000)			(700.000.000)
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội {b}	(666.720.000)			(666.720.000)
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội {c}	(3.478.854.000)			(3.478.854.000)
Ngân hàng liên doanh Việt Nga - Sở giao dịch {d}	(987.583.308)			-
Cộng vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10.402.439.384			16.246.756.500

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

{a} Vay dài hạn cá nhân, thời hạn 24 tháng, lãi suất 12%/năm. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

{b} Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1420-LAV-201600051 ngày 18 tháng 07 năm 2016. Số tiền vay là 2.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bù đắp chi phí mua sắm xe ô tô đầu kéo theo hợp đồng mua bán số 50/HDMB-RAT-ANVIET-2015 ký ngày 31 tháng 12 năm 2015. Thời hạn cho vay trong vòng 36 tháng kể từ ngày 18 tháng 07 năm 2016. Kỳ hạn trả nợ gốc là 1 tháng 1 lần bắt đầu từ ngày 25 tháng 08 năm 2016. Lãi suất cho vay 10,5%/năm. Lãi suất biến động 03 tháng điều chỉnh một lần. Tài sản đảm bảo khoản vay là: Ô tô mang biển kiểm soát 29C -586.38, ô tô BKS 29C-586.22. Tài sản đã được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1170.2016/HDTC và 1171.2016/HDTC ký ngày 01 tháng 07 năm 2016, giá trị tài sản đảm bảo là 3.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

{c} *Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng sau:*

- Hợp đồng tín dụng số 106.1130/2015/HDTD-DN/PGBHN ngày 24 tháng 11 năm 2015. Số tiền vay là 9.489.000.000 đồng trong 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất khoản vay là 10,5%/năm trong 3 tháng đầu tiên, lãi suất thay đổi điều chỉnh 3 tháng/lần được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng loại trả cuối kỳ cộng biên độ theo quy định nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu đối với các doanh nghiệp. Mục đích vay để mua 6 xe đầu kéo, 12 xe somi rơ mooc, 1 ô tô bán tải Toyota Mazda BTAT. Khoản vay được trả nợ gốc định kỳ vào ngày 26 hàng tháng theo từng giấy nhận nợ. Đảm bảo tiền vay là tài sản được hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng số 106.0221/2015/HDTD-CN/PGBHN ngày 18 tháng 03 năm 2015. Số tiền vay là 2.800.000.000 đồng trong 60 tháng từ ngày rút vốn đầu tiên, lãi suất 11%/năm trong 3 tháng đầu, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/ lần nhưng không thấp hơn lãi cho vay tối thiểu đối với khách hàng doanh nghiệp hạng A. Mục đích vay để mua 1 xe nâng hạ container theo hợp đồng kinh tế số 04-8/HDKT-HNP-RATRACO-2014-Japan ngày 27 tháng 08 năm 2014. Đảm bảo tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng số 106.1028/2016/HDTD-DN/PGBHN ngày 04 tháng 10 năm 2016. Số tiền vay 6.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, lãi suất 9,5%/năm trong 3 tháng đầu, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần. Mục đích vay để mua 5 xe đầu kéo, 04 sơ mi rơ mooc, xe cầu container. Tài sản đảm bảo là 3 xe đầu kéo nhãn hiệu Deawoo, 2 xe đầu kéo nhãn hiệu Freightliner, 4 sơ mi rơ mooc, 1 xe nâng nhãn hiệu Kalmar.

{d} Khoản vay Ngân hàng liên doanh Việt Nga - Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số 09/2017/HĐTD/VRB-RATRACO ngày 05 tháng 07 năm 2017. Tổng số tiền cho vay là 4 tỷ đồng. Thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày ngân hàng giải ngân khoản đầu tiên cho bên vay. Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 20 tháng 6 năm 2018 là 9%/năm, lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau (trả lãi cuối kỳ) cộng biên độ 2,5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Khoản vay được sử dụng phục vụ thanh toán và bù đắp chi phí đầu tư dự án Thi công sửa chữa, cải tạo bãi hàng ga Đông Anh. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là 2 ô tô đầu kéo, 4 sơ mi rơ mooc, 1 xe nâng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 13/2017/HĐTC/VRB-RATRACO ngày 05 tháng 07 năm 2017.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.233.157.308	4.845.574.000
Trong năm thứ hai	4.855.197.308	6.895.574.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.547.242.076	9.351.182.500
Cộng	15.635.596.692	21.092.330.500
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	5.233.157.308	4.845.574.000
Số phải trả sau 12 tháng	10.402.439.384	16.246.756.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 29 tháng 12 năm 2017. Số lượng trái phiếu phát hành là 28.000 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu, tương đương 28 tỷ đồng. Kỳ hạn trái phiếu là 3 năm kể từ ngày phát hành. Lãi suất trái phiếu là 11,5%/năm. Lịch chuyển đổi trái phiếu như sau: Chuyển đổi 50% sau 12 tháng kể từ ngày phát hành, chuyển đổi 25% sau 24 tháng kể từ ngày phát hành, và chuyển đổi 25% còn lại khi đáo hạn trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi 1 trái phiếu chuyển đổi thành 100 cổ phiếu. Tiền lãi trả sau, thanh toán định kỳ 1 năm 1 lần vào ngày thanh toán lãi hoặc ngày đáo hạn. Tiền gốc bắt buộc chuyển đổi thành cổ phiếu. Trái phiếu chuyển đổi này không có tài sản đảm bảo.

18. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư 01/01/2016	31.218.410.000	194.384.000	4.363.173.684	8.212.161.957	43.988.129.641
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.795.840.697	2.795.840.697
Phân phối lợi nhuận	-	-	3.020.368.957	(3.020.368.957)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(821.216.000)	(821.216.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(4.370.577.000)	(4.370.577.000)
Số dư 31/12/2016	31.218.410.000	194.384.000	7.383.542.641	2.795.840.697	41.592.177.338
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.599.971.927	1.599.971.927
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.775.687.800	(1.775.687.800)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(509.480.000)	(509.480.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.809.659.000)	(2.809.659.000)
Số dư 31/12/2017	31.218.410.000	194.384.000	9.159.230.441	(699.014.176)	39.873.010.265

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 23/RAT ngày 26 tháng 05 năm 2017. Theo đó Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận căn cứ lợi nhuận công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty trích quỹ đầu tư phát triển 1.775.687.800 đồng, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 509.480.000 đồng và chia cổ tức 2.809.659.000 đồng.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	10.926.440.000	10.926.440.000
Vốn góp của các cổ đông khác	20.291.970.000	20.291.970.000
Cộng	31.218.410.000	31.218.410.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.121.841	3.121.841
- Cổ phiếu phổ thông	3.121.841	3.121.841
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.121.841	3.121.841
- Cổ phiếu phổ thông	3.121.841	3.121.841

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	307.491.126.965	275.043.160.808
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu kinh doanh vận tải đường sắt	208.123.274.840	206.740.618.400
- Doanh thu dịch vụ vận tải khác	79.364.742.144	49.105.834.771
- Doanh thu dịch vụ khác	20.003.109.981	19.196.707.637
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	307.491.126.965	275.043.160.808

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh vận tải đường sắt	207.788.694.327	177.236.248.911
Giá vốn dịch vụ vận tải khác	68.816.035.338	61.988.490.385
Giá vốn dịch vụ khác	17.688.938.643	18.257.344.228
Cộng	294.293.668.308	257.482.083.524

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	229.166.266	281.907.521
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.430.916.720	1.604.840.557
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.312.490	-
Cộng	3.662.395.476	1.886.748.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

4. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.707.610.489	2.820.228.440
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	138.359.728	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	667.077.449	415.973.610
Chi phí tài chính khác	-	2.400.000
Cộng	4.513.047.666	3.238.602.050

5. Thu nhập khác

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	777.559.635	-
Các khoản thu nhập khác	285.999.733	246.949.547
Cộng	1.063.559.368	246.949.547

6. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	181.505.526	-
Thuế phạt và truy thu theo Biên bản thanh tra	-	892.993.354
Tài trợ xây dựng trường học	-	50.000.000
Các khoản phạt và bồi thường	87.975.484	28.105.349
Các khoản chi phí khác	228.357.674	133.913.617
Cộng	497.838.684	1.105.012.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.599.971.927	3.831.315.329
Điều chỉnh cho các khoản	(3.327.233.374)	(1.240.563.908)
Trừ: Thu nhập chịu thuế các năm trước ghi nhận vào năm 2016, đã nộp thuế TNDN theo Biên bản thanh tra thuế ngày 22 tháng 07 năm 2016	-	593.580.854
- <i>Doanh thu</i>	-	669.525.457
- <i>Giá vốn</i>	-	75.944.603
Cộng: Các khoản chi phí không hợp lệ	103.683.346	957.857.503
- <i>Chi phí phạt vi phạm hành chính và thuế truy thu các năm trước</i>	<i>14.701.124</i>	<i>901.798.703</i>
- <i>Chi phí khấu hao xe ô tô trên 1,6 tỷ đồng</i>	<i>88.982.222</i>	<i>56.058.800</i>
Trừ: Cổ tức nhận được từ công ty con, công ty liên kết trong năm	3.430.916.720	1.604.840.557
Thu nhập tính thuế TNDN hiện hành	(1.727.261.447)	2.590.751.421
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	518.150.284
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh theo BB thanh tra thuế năm 2016 (*)	-	517.324.348
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.035.474.632

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	2.622.068.612
Chi phí nhân công	22.101.087.136	13.795.962.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.553.270.187	10.484.589.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.546.955.018	240.953.225.771
Chi phí khác bằng tiền	19.404.911.191	1.175.448.317
Cộng	305.606.223.532	269.031.294.829

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 02 (hai) bộ phận hoạt động: bộ phận vận tải và bộ phận cung cấp dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận vận tải: vận tải hàng hóa bằng đường sắt;

Bộ phận cung cấp dịch vụ khác: kinh doanh nhà hàng, khách sạn; dịch vụ vé tàu khách; cung cấp dịch vụ quảng cáo, xuất nhập khẩu.

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Vận tải VND	Dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	112.446.993.456	17.737.151.211	130.184.144.667
Tài sản không phân bổ			65.123.889.908
Tổng tài sản			195.308.034.575
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	138.324.026.024	2.488.662.672	140.812.688.696
Nợ phải trả không phân bổ			14.622.335.614
Tổng nợ phải trả			155.435.024.310

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2017:

	Vận tải VND	Dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	98.632.149.994	29.286.790.330	127.918.940.324
Tài sản không phân bổ			37.905.698.856
Tổng tài sản			165.824.639.180
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	40.403.012.474	13.090.622.787	53.493.635.261
Nợ phải trả không phân bổ			70.738.826.581
Tổng nợ phải trả			124.232.461.842

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Vận tải VND	Dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên	287.488.016.984	20.003.109.981	307.491.126.965
Tổng doanh thu	287.488.016.984	20.003.109.981	307.491.126.965
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	276.604.729.665	17.688.938.643	294.293.668.308
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	10.883.287.319	2.314.171.338	13.197.458.657
Chi phí không phân bổ			11.312.555.224
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			1.884.903.433
Doanh thu từ các khoản đầu tư			3.662.395.476
Lợi nhuận khác			565.720.684
Chi phí tài chính			4.513.047.666
Lợi nhuận trước thuế			1.599.971.927
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			-
Lợi nhuận trong năm			1.599.971.927

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Vận tải VND	Dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên	255.846.453.171	19.196.707.637	275.043.160.808
Tổng doanh thu	255.846.453.171	19.196.707.637	275.043.160.808
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	239.224.739.296	18.257.344.228	257.482.083.524
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	16.621.713.875	939.363.409	17.561.077.284
Chi phí không phân bổ			11.519.845.210
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			6.041.232.074
Doanh thu từ các khoản đầu tư			1.886.748.078
Lợi nhuận khác			(858.062.773)
Chi phí tài chính			3.238.602.050
Lợi nhuận trước thuế			3.831.315.329
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			1.035.474.632
Lợi nhuận trong năm			2.795.840.697

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 118, đường Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có chi nhánh nào khác. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển Đường sắt Hà Nội Ratraco	Công ty con
Công ty TNHH Du lịch Đường sắt Ratraco	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thương mại Đường Sắt Ratraco	Công ty con
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Logistics đường sắt ITL	Công ty liên kết

Trong năm 2017, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng		
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	71.352.368.857	5.610.582.422
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	372.395.840	-
Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển Đường Sắt Hà Nội Ratraco	51.677.909.457	230.788.371.043
Công ty TNHH MTV Thương mại Đường sắt Ratraco	753.222.616	77.901.364
Công ty TNHH Du lịch Đường sắt Ratraco	130.538.182	144.111.818
Cộng	124.286.434.952	236.620.966.647
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	167.737.862.596	151.732.340.600
Công ty TNHH Du lịch Đường sắt Ratraco	470.595.853	890.033.363
Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển Đường Sắt Hà Nội Ratraco	86.089.455	100.533.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Đường sắt Ratraco	355.208.182	577.128.000
Cộng	168.649.756.086	153.300.034.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong năm 2017, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Cổ tức từ các công ty con, liên doanh, liên kết ghi nhận trong năm		
Công ty TNHH MTV Giao nhận Vận chuyển Đường Sắt Hà Nội Ratraco	3.430.916.720	-
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	-	1.604.840.557
Cộng	3.430.916.720	1.604.840.557
Cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	983.380.000	1.529.705.000
Các cổ đông khác	1.826.279.000	2.840.872.000
Cộng	2.809.659.000	4.370.577.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	11.857.487.371	33.321.154.676
Công ty TNHH MTV giao nhận vận chuyển Đường Sắt Hà Nội Ratraco	2.136.339.665	32.358.337.665
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	8.941.436.826	769.922.511
Công ty TNHH Du lịch Đường sắt Ratraco	130.795.000	107.203.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Đường sắt Ratraco	648.915.880	85.691.500
Phải trả người bán ngắn hạn	49.314.299.747	39.888.470.447
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	48.022.233.119	38.240.436.044
Công ty TNHH MTV Thương mại Đường sắt Ratraco	100.000	334.840.800
Công ty TNHH Du lịch Đường sắt Ratraco	61.217.000	5.959.000
Văn phòng Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.230.749.628	1.307.234.603
Phải thu ngắn hạn khác	6.902.330.286	4.347.940.811
Công ty TNHH NR Greenlines Logistics	3.071.413.566	4.147.940.811
Văn phòng Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH MTV giao nhận vận chuyển Đường Sắt Hà Nội Ratraco	3.630.916.720	-
Phải trả ngắn hạn khác	4.255.548.560	4.232.138.560
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	2.954.833.000	2.931.423.000
Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Đường sắt Sài Gòn Ratraco	1.300.715.560	1.300.715.560

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)***Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:*

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.083.661.000	1.484.093.000
Cộng	1.083.661.000	1.484.093.000

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc Tế (IFC).

Phạm Thị Quyên
Người lập
Ngày 30 tháng 03 năm 2018Lê Thị Hải Hà
Phụ trách kế toánTrần Thế Hùng
Tổng Giám đốc